

Số: 232/2026/QĐST-HNGĐ

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2026/TB-TLVA ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: bà **Nông Thị Yến H**, sinh năm: 1999; địa chỉ: **thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng**;

- Bị đơn: ông **Trần Phu N**, sinh năm: 1993; địa chỉ: **thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng**;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Nông Thị Yến H** và ông **Trần Phu N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thoả thuận về việc thuận tình ly hôn giữa **Nông Thị Yến H** và ông **Trần Phu N**.

2.2. Về con chung: hai bên thỏa thuận giao cho ông **Trần Phú N** trực tiếp nuôi dưỡng con chung: **Trần Quý D**, sinh ngày: 03/9/2023 cho đến ngày con chung thành niên; bà **Nông Thị Yến H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2026 cho đến ngày con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự..

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà **Nông Thị Yến H** và ông **Trần Phú N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: bà **Nông Thị Yến H** nhận chịu 150.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ toàn bộ số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009604 ngày 22/5/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà **Nông Thị Yến H** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 76 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
 - VKSND Khu vực 2 – Lâm Đồng;
 - THADS tỉnh Lâm Đồng;
 - Dương sự;
 - UBND xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cũ)
- đăng ký kết hôn số 31 ngày

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Vũ

13/02/2023);

- Lưu hồ sơ.

